**ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VIỆT NAM   
VỀ CÁC LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI**

**(4 CÂU THẢO LUẬN LẦN 1 – Ngày 25/9/2015)**

Câu 1: Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN VN cần có sự quản lý NN không? Tại sao?

Câu 2: So sánh mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN VN và mô hình kinh tế thị trường TBCN.

Câu 3: Tại sao VN cần phải chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

Câu 4: Các nguyên tắc chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Câu 1: Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN VN cần có sự quản lý NN không? Tại sao?**

a) Khái niệm:

*Kinh tế thị trường* là giai đoạn phát triển cao của kinh tế hàng hóa, khi các yếu tố đầu vào và đầu ra của sản xuất đều thông qua thị trường. Các chủ thể kinh tế tham gia trên thị trường đều chịu sự tác động của các quy luật thị trường và thái độ ứng xử của họ đều hướng vào tìm kiếm lợi ích của chính mình theo sự dẫn dắt của giá cả thị trường.

Nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của NN là nền KT vừa vận hành theo cơ chế thị trường, vừa chịu sự điều tiết của nhà nước.

*Cơ chế thị trường* là tổng hòa các quan hệ kinh tế vận hành theo các quy luật kinh tế thị trường trong môi trường cạnh tranh nhằm mục tiêu lợi nhuận.

Cơ chế thị trường là cơ chế vận hành của nền kinh tế thị trường.

Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Đây là hình thái kinh tế thị trường vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của CNXH.

*b) Ưu thế và khuyết tật của CCTT:*

***- Ưu thế*:**

+ Động cơ lợi nhuận thúc đẩy tạo cho mọi người có được sự năng động, nhạy bén trong kinh doanh: Động cơ lợi nhuận đã thúc đẩy con người năng động sáng tạo hơn, con người đã nhạy bén nắm bắt thông tin kinh tế, con người đã năng động trong xử lý kinh tế.

+ Đảm bảo cho cả người sản xuất lẫn người tiêu dùng được tự do lựa chọn các quyết định có lợi nhất cho mình. Đây là sự khác biệt của cơ chế thị trường với cơ chế tập trung bao cấp. Trong cơ chế tập trung ao cấp là một sự bao cấp sự phân phối của nhà nước đến người tiêu dùng và cả trong SX. Người SX và người tiêu dùng không được tự do lực chọn cho mình. Trong cơ chế thị trường do có sự cạnh tranh nên con người được lựa chọn trong quá trình SX và tiêu dùng, cái nào hiệu quả nhất, phù hợp nhất thì phát huy vai trò của mình.

+ Có sự sàng lọc tự nhiên đối với sản phẩm, doanh nghiệp và người lao động. Nhờ đó nền sản xuất xã hội không ngừng phát triển. Qua sàng lọc cho thấy đâu là người lao động có trình độ cao mà lựa chọn từ đó người lao động sẽ phát huy khả năng của mình.

Thông qua những tác động trên đã thúc đẩy sự tiến bộ XH. Một nền KT hiện đại thì chắc chắn rằng phải vận động theo cơ chế thị trường. Một nền KT vận động theo cơ chế thị trường chắc chắn nó sẽ ngày càng hoàn thiện và nâng cao.

VD: Điện thoại di động là một sản phẩm hiện nay được mọi người ưa chuộng, thậm chí SP này đã làm cho con người cảm thấy trong cuộc sống không thể thiếu được. Sự ra đời của chiếc điện thoại làm cho con người thuận tiện hơn có thể kết nối toàn cầu.

***- Khuyết tật*: đây là khiếm khuyết bẩm sinh của cơ chế thị trường nên con người phải chấp nhận sự tồn tại của khiếm khuyết đó.**

+ Do sự điều tiết mang nặng tính tự phát và mù quáng nên CCTT thường gây ra những mất cân đối kinh tế. Vì muốn đạt lợi nhuận cao, muốn thu hút các thị phần thì bản thân doanh nghiệp phải có sự sáng tạo khác lạ đối với các DN cùng SX một loại hàng hóa. Trong quá trình sáng tạo đôi khi có những sự chủ quan mù quáng không đáp ứng được nhu cầu thị trường. Ví dụ tại nền KT VN nông dân muốn cải thiện đời sống nâng cao hiệu quả SX nhưng theo tâm lý cây nào có lợi là đổ xô vào trồng làm thay đổi thị phần làm cung vượt cầu giá cả thấp hơn giá trị.

+ Vì mục tiêu lợi nhuận được đặt lên hàng đầu nên các hoạt động kinh doanh thường không chú ý đến hiệu quả về mặt xã hội. Kinh tế và XH không gắn kết chặt chẽ với nhau. KT cản trở XH tạo ra sự bất ổn nguy cơ tiềm ẩn cho hoạt động KT. Ví dụ trong quá trình XD đô thị mới chúng ta luôn chú trọng theo quy hoạch đâu là đất SX đâu là đất XD nhằm khai thác sử dụng tốt nhất hiệu quả sử dụng đất. Muốn XD thì phải di dời người dân nhằm thu hồi các quỹ đất không hiệu quả có những khu đất bồi hoàn cho dân rất thấp nhưng khi XD bán rất cao. Đây là một sự tổn thất XH rất lớn. vd: hàng nhái.

Vd: không đóng BHXH, bảo hiểm tai nạn cho người lao động.

+ Gây ra nhiều hậu quả xấu: cạnh tranh và phân hóa giàu - nghèo gay gắt, tệ nạn xã hội phát triển, tâm lý chạy theo đồng tiền. KT thị trường tạo ra sự cạnh tranh và đem đến khuynh hướng không lành mạnh tạo nên tệ nạn XH.

Do cơ chế vận hành của nền kinh tế thị trường tồn tại cả những mặt ưu và khuyết tật nên rất cần có sự tham gia quản lý của Nhà nước điều tiết nền kinh tế nhằm phát huy mặt tích cực và hạn chế các mặt tiêu cực của cơ chế thị trường. Nhà nước tạo ra cơ chế hỗ trợ thị trường phát huy hiệu quả đồng thời NN sẽ ngăn ngừa các hành vi sai trái của con người trong hoạt động KT, với khả năng kiểm soát của mình NN sẽ sàng lọc và tổ chức một nền KT tốt hơn. Như vậy một nền KT vận hành theo cơ chế thị trường sẽ phải có sự quản lý của NN đối với nền KT. Ta thấy từ thế kỷ 20 đến thế kỷ 21 tát cả các nền KT muốn tăng trưởng và phát triển hiệu quả thì phài chọn cho mình là mô hình KT thị trường vận hành theo cơ chế thị trường một cách hoàn hảo phải có sự quản lý của nhà nước.

Vai trò quản lý của Nhà nước:

Nền kinh tế thị trường ở nước ta là nền kinh tế “phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp” và “mọi thành phần kinh tế, các chủ thể tham gia thị trường đều được coi trọng, cùng phát triển lâu dài, hợp tác cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh và văn minh, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo”.

Về chế độ phân phối trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là công bằng trong phân phối các yếu tố SX, tiếp cận và sử dụng các cơ hội, điều kiện phát triển. Phân phối kết quả làm ra chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh XH, phúc lợi XH. Sự phân phối này là chú ý đến lợi ích của người lao động.

Sự điều tiết của NN trong nền kinh tế thị trường ở nước ta phải định hướng XHCN trong sự phát triển của nền KT thị trường thông qua XD và thực hiện quy hoạch, chiến lược, kế hoạch và chính sách phát triển KT – XH để từng bước XD những tiền đề vật chất cho CNXH. Nhà nước luôn tạo môi trường thuận lợi cho SX KD.

Sự điều tiết của NN vào nền kinh tế nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia: khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên quốc gia (trong ngắn hạn và dài hạn), bảo vệ tài nguyên môi trường, phát triển KT bền vững; bảo vệ lợi ích của nhân dân, lợi ích người lao động, thực hiện các chính sách XH (xóa đói, giảm nghèo, an sinh XH).

**c. Các giải pháp hoàn thiện và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa**

1. ***Thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển nền KT nhiều thành phần, phát huy vai trò của KT nhà nước.***

* Phát triển KT nhiều thành phần là giải phóng sức SX của XH, huy động các nguồn lực PT KT thị trường, tạo môi trường cạnh tranh trong nền KT và là động lực thúc đẩy sự PT bền vững.
* Đẩy mạnh đổi mới, sắp xếp và nâng cao hiệu quả kinh doanh của DNNN. Cơ cấu lại ngành nghề KD của các tập đoàn KT và tổng công ty NN, tập trung vào một số ngành và lĩnh vực then chốt của nền KT. Đổi mới tổ chức, cơ chế hoạt động của các đơn vị DV công phù hợp KT thị trường định hướng XHCN.
* Phát triển KT tập thể với nhiều hình thức đa dạng, nòng cốt là hợp tác xã. Tạo điều kiện để phát triển các trang trại ở nông thôn, hình thành hợp tác xã của các chủ trang trại.
* Hoàn thiện cơ chế, chính sách để PT mạnh KT tư nhân ở hầu hết các ngành lĩnh vực KT theo quy hoạch và quy định của pháp luật. Hỗ trợ các DN vừa và nhỏ, các trang trại, hộ SXKD đáp ứng yêu cầu PT KT thị trường, hội nhập KTQT.
* Thu hút mạnh đầu tư trực tiếp của nước ngoài và các ngành lĩnh vực kinh tế phù hợp với chiến lược PT KT đất nước.

1. ***Đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước gắn với phát triển KT tri thức và bảo vệ tai nguyên môi trường.***

* Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân là tạo lập những tiền đề vật chất cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển.
* Chuyển lao động thủ công thành lao động sử dụng máy móc, ứng dụng những thành tựu của khoa học và công nghệ, gắn với nền kinh tế tri thức ở các ngành, các lĩnh vực trong nền kinh tế quốc dân.
* Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại. Cơ cấu kinh tế xây dựng trong quá trình CNH, HĐH trên cơ sở khai thác lợi thế của các vùng miền, các ngành, các lĩnh vực; đồng thời phải phù hợp với xu thế phát triển của thế giới. Các cơ cấu KT đó là: cơ cấu ngành, cơ cấu vùng và cơ cấu thành phần KT.

1. ***Phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường.***

Các yếu tố thị trường và các loại thị trường là nhân tố để giải quyết các mối quan hệ trong nền KT thị trường; đáp ứng yêu cầu đầu vào và đầu ra nền nền KT.

Việt Nam chuyển đổi từ nền kinh tế vận hành theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp chuyển sang nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường; do đó, các yếu tố thị trường chưa hoàn thiện và các thị trường phát triển chưa đồng bộ. Vì vậy, phải hình thành và phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường. Cụ thể:

* Tạo môi trường (môi trường pháp lý, môi trường kinh tế xã hội) để các yếu tố thị trường phát triển lành mạnh, hiệu quả. Đổi mới và hoàn thiện thể chế về giá, cạnh tranh, kiểm soát độc quyền, giải quyết tranh chấp; xây dựng và thực hiện các quy định về trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp đối với người tiêu dùng, đối với bảo vệ môi trường.
* Phát triển đa dạng, đồng bộ và hiện đại các loại thị trường hàng hóa, dịch vụ, cả thị trường trong và ngoài nước (đặc biệt các thị trường lớn như: Mỹ, châu Âu, Đông Á và các thị trường truyền thống – thị trường Nga).

1. ***Nâng cao vai trò lãnh đạo của đảng, năng lực và hiệu lực QL của NN đối với nền KT thị trường định hướng XHCN.***

* Năng lực và hiệu lực quản lý của NN sẽ quyết định đến định hướng XHCN của nền KT thị trường, đến hiệu quả khai thác và sử dụng các nguồn lực của quốc gia.
* Cải cách bộ máy và cơ chế điều tiết nền kinh tế của Nhà nước theo hướng tinh, gọn có hiệu quả.
* Hoàn thiện và sử dụng có hiệu lực các công cụ điều tiết nền kinh tế của Nhà nước như: luật pháp, chính sách (tiền tệ, tài chính…), các công cụ khác (thuế, lãi suất, tỷ giá hối đoái…).
* Tăng cường kiểm tra, kiểm soát để điều chỉnh kịp thời sự vận hành của nền kinh tế khi cần thiết.
* “Nâng cao vai trò của các cơ quan dân cử, tổ chức chính trị - XH, các tổ chức xã hội – nghề nghiệp và của nhân dân trong phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN… Nhà nước tạo điều kiện để nhân dân và các tổ chức này tham gia có hiệu quả vào quá trình hoạch định, thực thi và giám sát việc thực hiện luật pháp, chủ trương, chính sách phát triển KT - XH, ngăn ngừa, khắc phục những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường”.

1. ***Mở rộng KT đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập KT quốc tế.***

* Tích cực và chủ động hội nhập KTQT là tiền đề, điều kiện quan trọng để nền KT thị trường định hướng XHCN phát triển trong bối cảnh hội nhập KTQT.
* Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư, mở rộng thị trường trong và ngoài nước.
* Khai thác hiệu quả các cơ chế hợp tác quốc tế, các nguồn lực bên ngoài như: vốn, khoa học – công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tổ chức vận hành nền kinh tế thị trường hiện đại.
* Nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Xây dựng và phát triển lợi thế quốc gia trong kinh tế đối ngoại thích nghi với sự thay đổi xu hướng phát triển của nền kinh tế thế giới.
* Tìm kiếm và mở rộng các đối tác, đặc biệt là các đối tác chiến lược, đối tác lớn.

**Câu 2: So sánh mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN VN và mô hình kinh tế thị trường TBCN.**

**Giống nhau:**

* Mục tiêu: vì lợi nhuận
* Sở hữu: tồn tại đa dạng hình thức sở hữu nhiều thành phần kinh tế.

**Khác nhau:**

+ Mục đích lợi nhuận:

* Mô hình kinh tế thị trường TBCN: lợi nhuận bỏ vào túi nhà tư bản.
* Mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN: lợi nhuận dùng để cải thiện nâng cao đời sống của nhân dân.

+ Sở hữu:

* Mô hình kinh tế thị trường TBCN: đất đai sở hữu cá nhân
* Mô hình KT thị trường định hướng XHCN: KT nhiều thành phần; đất đai sở hữu toàn dân.

+ Phân phối:

* Mô hình kinh tế thị trường TBCN: Dựa trên sở hữu tỷ lệ vốn góp
* Mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN: Chủ yếu dựa trên nguyên tắc công bằng, người làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít.

+ Vai trò QLNN:

* Mô hình kinh tế thị trường TBCN: Bảo vệ lợi ích sở hữu tư nhân
* Mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN: Bảo vệ sở hữu tư nhân

**Câu 3: Tại sao VN cần phải chuyển đổi mô hình tăng trưởng.**

Tăng trưởng kinh tế là sự tăng thêm về quy mô, sản lượng hàng hóa và dịch vụ trong một thời kỳ nhất định (thường là một năm).

Mô hình tăng trưởng KT là một cách diễn đạt quan điểm cơ bản nhất về sự tăng trưởng KT thông qua các biến số KT và mối liên hệ giữa chúng.

Có 2 loại mô hình tăng trưởng như sau:

Một là, mô hình tăng trưởng KT theo chiều rộng: (ưu điểm, hạn chế)

Là sự tăng trưởng KT dựa trên việc gia tăng số lượng các yếu tố đầu vào như vốn, tài nguyên thiên nhiên, lao động làm chủ yếu. Mô hình tăng trưởng KT theo chiều rộng thường gắn với những nền KT có công nghệ lạc hậu, lực lượng lao động có trình độ thấp là chủ yếu, khai thác tài nguyên thô và hiệu quả sử dụng vốn đầu thấp.

Đặc trưng của mô hình tăng trưởng KT theo chiều rộng: Sự gia tăng về số lượng các yếu tố đầu vào tạo ra trên 50% thu nhập của nền KT. Không thường xuyên sử dụng các nguồn lực có hiệu quả cao hơn. Chỉ chú trọng phát triển các loại công nghệ và nguồn lực SX truyền thống.

Lợi thế của mô hình tăng trưởng KT theo chiều rộng: Giải phóng mọi nguồn lực của đất nước; Thu hút được nguồn lực từ nước ngoài; Giải phóng sức lao động, phát triển thị trường lao động. Đáp ứng yêu cầu tăng trưởng nhanh trong giai đoạn đầu phát triển của các nước đang phát triển.

Hạn chế của mô hình tăng trưởng KT theo chiều rộng: Các nguồn lực vốn, lao động, tài nguyên là có hạn, nếu áp dụng mô hình tăng trưởng này kéo dài sẽ dẫn đến giới hạn, làm cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường, gia tăng chi phí cho một đơn vị sản phẩm, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền KT thấp, tiềm ẩn nguy cơ lạm phát, bội chi ngân sách, gây bất ổn KT vĩ mô.

Hai là, mô hình tăng trưởng KT theo chiều sâu: (ưu điểm, hạn chế)

Là sự tăng trưởng KT dựa trên việc vận dụng khoa học – công nghệ để nâng cao hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào. Mô hình tăng trưởng KT theo chiều sâu thường gắn với những nền KT có công nghệ hiện đại, lực lượng lao động có trình độ cao chiếm tỷ trọng lớn và có năng lực thiết kế, chế tạo những sản phẩm có giá trị gia tăng cao, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư cao.

Đặc trưng của mô hình tăng trưởng KT theo chiều sâu: Hoàn thiện về chất các yếu tố SX và nâng cao hiệu quả sử dụng chúng đạt mức chiếm trên 50% tổng thu nhập tăng thêm của nền KT; Thường xuyên, liên tục sử dụng nguồn lực có hiệu quả cao hơn; Sử dụng các loại công nghệ và nguồn lực tiên tiến.

Lợi thế của mô hình tăng trưởng KT theo chiều sâu: Nhân tố TFP dường như là vô hạn, nên có khả năng khắc phục được tình trạng khan hiếm nguồn lực; tiết kiệm nguồn lực, giảm chi phí, tăng hiệu quả và tăng sức cạnh tranh của nền KT; giảm ô nhiệm, bảo vệ môi trường; ít gây bất ổn KT vĩ mô và tăng trưởng KT bền vững, dài hạn.

Từ những ưu điểm, hạn chế trên, Việt nam cần phải chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu.

Thực trạng chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế ở VN:

Mô hình tăng trưởng kinh tế ở nước ta trong những năm qua đã tạo ra được tốc độ tăng trưởng nhanh, cao trong một thời gian nhất định. Trong 30 năm đổi mới, đạt trung bình khoảng 6% - 7%/năm. Đáng chú ý là trong giai đoạn 2008 - 2014, do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu và những khó khăn khác, nhưng nền kinh tế Việt Nam vẫn tăng trưởng bình quân 5,31%/năm; quy mô của nền kinh tế được mở rộng đáng kể. Năm 2014, GDP theo giá trị thực tế đạt 186,300 tỷ USD, gấp 3 lần so với năm 2005 (57,848 tỷ USD). Do đó, thu nhập bình quân năm 2014 là 2.053 USD/người, gấp khoảng gần 3 lần so với năm 2005 (702 USD/người). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tiến bộ. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện đáng kể, v.v. Tăng trưởng kinh tế đã góp phần đưa nước ta thoát khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển và bước vào hàng ngũ các nước đang phát triển có mức thu nhập trung bình thấp (1.025 - 3.035 USD/người/năm theo quy định của Ngân hàng Thế giới từ năm 2012).

Nhưng kéo dài mô hình tăng trưởng theo chiều rộng với định hướng xuất khẩu, nguồn lực tăng trưởng chủ yếu dựa vào vốn, lao động và tài nguyên thiên nhiên như thời gian qua trong bối cảnh hội nhập quốc tế mạnh mẽ và toàn diện như hiện nay đã đưa đến những hệ lụy trực tiếp trước mắt. Đó là: (1) Đạt được tốc độ tăng trưởng cao, nhưng vẫn ở trong tình trạng tụt hậu xa so với các nước phát triển trong khu vực và thế giới; (2) Chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp và khi tài nguyên, lao động rẻ được khai thác “kịch trần” thì động lực tăng trưởng, phát triển kinh tế sẽ không còn và Việt Nam sẽ rơi vào thời kỳ tăng trưởng thấp, hơn nữa là khó tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu,… do đó, sẽ làm suy yếu khả năng tăng trưởng dài hạn của nền kinh tế; (3) Tăng trưởng kinh tế đang kéo theo tốc độ suy thoái môi trường tự nhiên một cách nhanh chóng, tài nguyên thiên nhiên ngày càng bị khai thác cạn kiệt, ô nhiễm môi trường sinh thái ngày càng trầm trọng; (4) Nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình - tình trạng một quốc gia thoát nghèo, gia nhập vào nhóm nước có mức thu nhập trung bình (GDP trong khoảng 1.025 - 9.385 USD/người/năm), nhưng mất nhiều thập kỷ vẫn không trở thành quốc gia phát triển (nước có GDP trên 9.385 USD/người/năm và đạt các tiêu chí khác về phát triển công nghệ, kinh tế - xã hội).

**Câu 4: Các nguyên tắc chuyển đổi mô hình tăng trưởng.**

**1. Khái niệm:** Mô hình tăng trưởng KT là một cách diễn đạt quan điểm cơ bản nhất về sự tăng trưởng KT thông qua các biến số KT và mối liên hệ giữa chúng.

**2. Các mô hình tăng trưởng kinh tế.**

1. Mô hình tăng trưởng KT theo chiều rộng:

* Là sự tăng trưởng KT dựa trên việc gia tăng số lượng các yếu tố đầu vào như vốn, tài nguyên thiên nhiên, lao động làm chủ yếu. Mô hình tăng trưởng KT theo chiều rộng thường gắn với những nền KT có công nghệ lạc hậu, lực lượng lao động có trình độ thấp là chủ yếu, khai thác tài nguyên thô và hiệu quả sử dụng vốn đầu thấp.
* Đặc trưng của mô hình tăng trưởng KT theo chiều rộng: sự gia tăng về số lượng các yếu tố đầu vào tạo ra trên 50% thu nhập của nền KT. Không thường xuyên sử dụng các nguồn lực có hiệu quả cao hơn. Chỉ chú trọng phát triển các loại công nghệ và nguồn lực SX truyền thống.
* Lợi thế của mô hình tăng trưởng KT theo chiều rộng: Giải phóng mọi nguồn lực của đất nước; thu hút được nguồn lực từ nước ngoài; giải phóng sức lao động, phát triển thị trường lao động; đáp ứng yêu cầu tăng trưởng nhanh trong giai đoạn đầu phát triển của các nước đang phát triển.
* Hạn chế của mô hình tăng trưởng KT theo chiều rộng: Các nguồn lực vốn, lao động, tài nguyên là có hạn, nếu áp dụng mô hình tăng trưởng này kéo dài sẽ dẫn đến giới hạn, làm cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường, gia tăng chi phí cho một đơn vị sản phẩm, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền KT thấp, tiềm ẩn nguy cơ lạm phát, bội chi ngân sách, gây bất ổn KT vĩ mô.

1. Mô hình tăng trưởng KT theo chiều sâu:

* Là sự tăng trưởng KT dựa trên việc vận dụng khoa học – công nghệ để nâng cao hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào. Mô hình tăng trưởng KT theo chiều sâu thường gắn với những nền KT có công nghệ hiện đại, lực lượng lao động có trình độ cao chiếm tỷ trọng lớn và có năng lực thiết kế, chế tạo những sản phẩm có giá trị gia tăng cao, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư cao.
* Đặc trưng của mô hình tăng trưởng KT theo chiều sâu: Hoàn thiện về chất các yếu tố SX và nâng cao hiệu quả sử dụng chúng đạt mức chiếm trên 50% tổng thu nhập tăng thêm của nền KT; thường xuyên, liên tục sử dụng nguồn lực có hiệu quả cao hơn; sử dụng các loại công nghệ và nguồn lực tiên tiến.
* Lợi thế của mô hình tăng trưởng KT theo chiều sâu: Nhân tố TFP dường như là vô hạn, nên có khả năng khắc phục được tình trạng khan hiếm nguồn lực; tiết kiệm nguồn lực, giảm chi phí, tăng hiệu quả và tăng sức cạnh tranh của nền KT; giảm ô nhiệm, bảo vệ môi trường; ít gây bất ổn KT vĩ mô và tăng trưởng KT bền vững, dài hạn.

**3. Nguyên tắc đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở VN đến năm 2020.**

**Thứ nhất, chuyển dần tăng trưởng KT theo chiều rộng sang tăng trưởng KT theo chiều sâu.**

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững. Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, trọng tâm là cơ cấu lại các ngành sản xuất, dịch vụ phù hợp với các vùng; thúc đẩy cơ cấu lại và điều chỉnh chiến lược phát triển doanh nghiệp; tăng nhanh giá trị nội địa, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và của cả nền kinh tế.

Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, áp dụng các hình thức thu hút đầu tư đa dạng, hấp dẫn để huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế trong và nước ngoài, phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực cho phát triển. Khuyến khích đầu tư vào các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ công nghệ cao và các giải pháp đổi mới công nghệ, chế tạo sản phẩm mới.... Tham gia ngày càng nhiều và có hiệu quả vào những khâu, công đoạn có hàm lượng khoa học, giá trị gia tăng cao trong mạng SX và phân phối toàn cầu.

Phát triển đa dạng các ngành, nghề để tạo nhiều việc làm và thu nhập; khuyến khích, tạo thuận lợi để người lao động học tập, nâng cao trình độ, tay nghề, đồng thời có cơ chế, chính sách phát hiện, trọng dụng nhân tài.

Phát huy tiềm lực khoa học, công nghệ của đất nước, nâng cao nhanh năng suất lao động xã hội và chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế. Tăng cường liên kết, khai thác, phát huy đúng tiềm năng, thế mạnh của từng vùng kinh tế; tạo điều kiện cho phát triển và phát huy vai trò đầu tàu của vùng kinh tế trọng điểm, tạo sức lan toả, lôi cuốn các vùng kinh tế khác.

**Thứ hai, phải coi trọng hiện đại hóa, lấy hiện đại hóa làm nền tảng để đạt được tăng trưởng KT cao, ổn định và dài hạn.**

Cơ cấu lại, xây dựng nền công nghiệp theo hướng phát triển mạnh những ngành có tính nền tảng, có lợi thế so sánh và có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế, từng bước có khả năng tham gia sâu, có hiệu quả vào mạng sản xuất và phân phối toàn cầu. Ưu tiên phát triển và hoàn thành những công trình then chốt về cơ khí chế tạo, SX máy móc, thiết bị thay thế nhập khẩu cho công nghiệp, nông nghiệp, XD; công nghiệp công nghệ cao sản xuất linh kiện điện tử, máy tính, công nghiệp dầu khí, điện, than, khai khoáng, hoá chất, luyện thép, xi măng, phân đạm..., công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp quốc phòng, an ninh với trình độ công nghệ ngày càng cao, sạch, tiêu tốn ít nguyên liệu, năng lượng, tăng sức cạnh tranh và giá trị gia tăng.

Phát triển năng lực nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các sản phẩm công nghiệp có công nghệ tiên tiến, giá trị gia tăng cao, nhất là các máy điều khiển kỹ thuật số, hệ thống tự động hoá, có khả năng xuất khẩu, thay thế nhập khẩu, nâng cao tỉ lệ nội địa hoá sản phẩm...;

Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững, phát huy lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới. Trên cơ sở tích tụ đất đai, đẩy mạnh cơ giới hoá, áp dụng công nghệ hiện đại (nhất là công nghệ sinh học); bố trí lại cơ cấu cây trồng, vật nuôi; phát triển kinh tế hộ, trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp, vùng chuyên môn hoá, khu nông nghiệp công nghệ cao, các tổ hợp sản xuất lớn. Thực hiện tốt việc gắn kết chặt chẽ “bốn nhà” (nhà nông, nhà khoa học, nhà DN, nhà nước) và phát triển CN, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ ở khu vực nông thôn. Phát triển các hiệp hội nông dân và các tổ chức khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, tạo điều kiện để các tổ chức này hoạt động thiết thực, có hiệu quả.

Xây dựng nông thôn mới: Quy hoạch phát triển nông thôn và phát triển đô thị và bố trí các điểm dân cư. Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ và làng nghề gắn với bảo vệ môi trường. Triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới phù hợp với đặc điểm từng vùng theo các bước đi cụ thể, vững chắc trong từng giai đoạn; giữ gìn và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của nông thôn Việt Nam. Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Tạo môi trường thuận lợi để khai thác mọi khả năng đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn, nhất là đầu tư của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, thu hút nhiều lao động. Triển khai có hiệu quả chương trình đào tạo nghề cho 1 triệu lao động nông thôn mỗi năm.

Ưu tiên phát triển và hiện đại hoá các dịch vụ tài chính, ngân hàng, viễn thông, thương mại, du lịch, vận tải, dịch vụ chăm sóc sức khoẻ, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ. Có cơ chế, chính sách khuyến khích sử dụng hàng hoá sản xuất trong nước, mở rộng thị trường nội địa, phát triển mạnh thương mại trong nước ở tất cả các vùng; hoàn thiện hệ thống phân phối để xác lập vị thế vững chắc của doanh nghiệp trong nước trên thị trường bán lẻ. Đẩy mạnh và khuyến khích xuất khẩu, đặc biệt là những mặt hàng mới, sản phẩm chế biến, chế tạo có hàm lượng khoa học công nghệ cao, giá trị gia tăng cao; giảm mạnh xuất khẩu nguyên liệu, khoáng sản, sản phẩm thô. Hình thành các trung tâm thương mại - dịch vụ lớn, vừa là trung tâm giao thương trong nước, vừa là cửa ngõ giao thương với nước ngoài tại Thủ đô Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng và Cần Thơ. Xây dựng một số trung tâm du lịch lớn trong nước, gắn kết có hiệu quả với các trung tâm du lịch lớn của các nước trong khu vực.

**Thứ ba, phải bảo đảm sự bình đẳng giữa các thành phần KT và phát triển tất cả các vùng.**

Đẩy mạnh đổi mới, sắp xếp và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Khẩn trương cơ cấu lại ngành nghề kinh doanh của các tập đoàn kinh tế và các tổng công ty nhà nước, tập trung vào một số ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế. Từng bước xây dựng các doanh nghiệp mang tầm khu vực và toàn cầu. Xác định đúng đắn, cụ thể hơn quyền hạn, trách nhiệm của hội đồng quản trị và giám đốc doanh nghiệp đối với vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp, vừa bảo đảm quyền chủ động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, vừa bảo toàn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản nhà nước.

Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức đa dạng, mà nòng cốt là hợp tác xã. Tổng kết tình hình phát triển các hợp tác xã và thực hiện Luật Hợp tác xã. Khẩn trương hoàn thiện hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho việc ra đời, phát triển các hợp tác xã, các tổ hợp tác kiểu mới và các mô hình kinh tế tập thể khác theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, có chức năng kinh tế và xã hội. Tạo điều kiện phát triển các trang trại ở nông thôn và hình thành hợp tác xã của các chủ trang trại.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh kinh tế tư nhân trở thành một trong những động lực của nền kinh tế. Phát triển mạnh các loại hình kinh tế tư nhân ở hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế theo quy hoạch và quy định của pháp luật. Tạo điều kiện hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước. Thu hút mạnh đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào những ngành, lĩnh vực kinh tế phù hợp với quy hoạch và chiến lược phát triển của đất nước, nhất là các lĩnh vực công nghệ cao. Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các trang trại, hộ sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong nông nghiệp và khu vực nông thôn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế.

Khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp với hình thức sở hữu hỗn hợp như: công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn nhiều thành viên, công ty hợp danh, hợp tác xã cổ phần. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định luật pháp về quyền và nghĩa vụ trước pháp luật của người sở hữu (hội đồng quản trị), quyền và trách nhiệm của người được chủ sở hữu giao quản lý sử dụng các tài sản để kinh doanh (ban giám đốc); phân phối lợi nhuận tạo ra cho người chủ sở hữu, người được giao quản lý sử dụng và người lao động.

Phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng với tầm nhìn dài hạn, tăng cường liên kết giữa các địa phương trong vùng theo quy hoạch, khắc phục tình trạng đầu tư trùng lặp, thiếu liên kết giữa các địa phương trong vùng; đồng thời tăng cường sự liên kết, phối hợp giữa các vùng để các vùng đều phát triển, từng bước giảm bớt chênh lệch về trình độ phát triển và mức sống dân cư giữa các vùng. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các vùng kinh tế, lãnh thổ trọng điểm tạo động lực cho nền kinh tế. Tăng cường chính sách hỗ trợ phát triển các vùng còn nhiều khó khăn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Phát triển hài hoà giữa thành thị và nông thôn. Phát triển đô thị phù hợp với quá trình phát triển kinh tế, theo quy hoạch dài hạn, không khép kín theo ranh giới hành chính và xử lý đúng mối quan hệ giữa đô thị hoá và hiện đại hoá nông thôn. Đẩy mạnh việc đưa công nghiệp và dịch vụ về nông thôn để hạn chế tình trạng nông dân ra các thành phố, đồng thời không để một khu vực lãnh thổ rộng lớn nào trống vắng đô thị.

**Thứ tư, phải hài hòa vai trò nhà nước và thị trường trong phân bổ các nguồn lực tăng trưởng.**

Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tiếp tục đổi mới tư duy kinh tế, nâng cao năng lực lãnh đạo kinh tế của các tổ chức đảng; tăng cường, sử dụng hợp lý các tổ chức, cán bộ nghiên cứu để tham mưu cho Đảng trong việc xây dựng, lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội. Đảng và Nhà nước phải thật sự nâng cao vai trò lãnh đạo, quản lý kinh tế thị trường, chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý có đủ phẩm chất, năng lực, trình độ công tác.

Đổi mới, nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trong giai đoạn mới trên cơ sở tôn trọng và vận dụng đầy đủ, đúng đắn các quy luật và cơ chế vận hành của kinh tế thị trường. Vận dụng và phát huy mặt tích cực; hạn chế, ngăn ngừa mặt trái của cơ chế thị trường; tạo ra những tiền đề để nền kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước tập trung duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng phát triển, tạo điều kiện để nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách kinh tế; đổi mới công tác xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Phân định rõ hơn chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước và chức năng của các tổ chức kinh doanh vốn và tài sản nhà nước.

**Thứ năm, phải gắn kết tăng trưởng KT với thực hiện tiến bộ, công bằng XH và bảo vệ môi trường.**

Tập trung giải quyết tốt chính sách lao động, việc làm và thu nhập. Kiên quyết khắc phục những bất hợp lý về tiền lương, tiền công, trợ cấp xã hội phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước; gắn cải cách tiền lương với sắp xếp, kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức của hệ thống chính trị. Gắn tiền lương của người lao động với hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Chăm lo bảo hộ lao động; cải thiện điều kiện làm việc; hạn chế tai nạn lao động; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật lao động, đưa việc thi hành pháp luật lao động vào nền nếp; xây dựng quan hệ lao động ổn định, hài hoà, tiến bộ.

Sửa đổi, hoàn thiện hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ giúp và cứu trợ xã hội đa dạng, linh hoạt, có khả năng bảo vệ, giúp đỡ mọi thành viên trong xã hội, nhất là các nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương, vượt qua khó khăn hoặc các rủi ro trong đời sống. Tăng tỉ lệ người lao động tham gia các hình thức bảo hiểm. Đẩy mạnh xã hội hoá dịch vụ bảo hiểm xã hội, chuyển các loại hình trợ giúp, cứu trợ xã hội sang cung cấp dịch vụ bảo trợ xã hội dựa vào cộng đồng. Bảo đảm cho các đối tượng bảo trợ xã hội có cuộc sống ổn định, hoà nhập tốt hơn vào cộng đồng, có cơ hội tiếp cận nguồn lực kinh tế, dịch vụ công thiết yếu. Thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật bảo hiểm xã hội, đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ chế độ quy định đối với mọi đối tượng.

Tập trung triển khai có hiệu quả các chương trình xoá đói, giảm nghèo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Đa dạng hoá các nguồn lực và phương thức xoá đói, giảm nghèo gắn với phát triển nông nghiệp, nông thôn, phát triển giáo dục, dạy nghề và giải quyết việc làm để xoá đói, giảm nghèo bền vững; tạo điều kiện và khuyến khích người đã thoát nghèo vươn lên làm giàu và giúp đỡ người khác thoát nghèo.

Coi trọng bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của toàn xã hội, trước hết là của cán bộ lãnh đạo các cấp về bảo vệ môi trường. Khẩn trương hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường; xây dựng chế tài đủ mạnh để ngăn ngừa, xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm môi trường. Ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng và tình trạng khai thác tài nguyên bừa bãi; xử lý nghiêm các cơ sở gây ô nhiễm, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường.

Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng và các chương trình, dự án đầu tư. Các dự án, công trình đầu tư xây dựng mới bắt buộc phải thực hiện nghiêm các quy định bảo vệ môi trường. Quản lý, khai thác hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo cân bằng sinh thái. Chú trọng phát triển kinh tế xanh, thân thiện với môi trường; từng bước phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch, tiêu dùng sạch. Chủ động nghiên cứu, đánh giá, dự báo tác động của biến đổi khí hậu đối với nước ta; thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu; tích cực tham gia, phối hợp cùng cộng đồng quốc tế hạn chế tác động tiêu cực củabiến đổi khí hậu, bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất. Tăng cường đầu tư, nâng cao chất lượng hệ thống dự báo, cảnh báo thiên tai. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao ý thức phòng, chống thiên tai trong mỗi người dân, nhất là nhân dân vùng thường xảy ra thiên tai. Quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, các địa phương phải chú ý đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai; tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng nơi neo đậu tàu thuyền tránh bão, hệ thống thoát lũ, phương tiện liên lạc, cứu hộ, cứu nạn ở vùng thường xuyên bị thiên tai, hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

Nhà nước tăng đầu tư, đồng thời có các cơ chế, chính sách ưu đãi để đẩy mạnh xã hội hoá, huy động các nguồn lực phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường.

***Thứ sáu, phải đổi mới mô hình tăng trưởng một cách toàn diện, đồng bộ và có hệ thống.***

**4. Giải pháp chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế (SGK Tr48)**

- Phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn kết via phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ. Đây được coi là chìa khóa của quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế của nước ta trong thời gian tới.

- Tái cấu trúc nền kinh tế bắt đầu tư khu vực nhà nước, trước hết là hệ thống ngân sách, đầu tư công và hệ thống doanh nghiệp nhà nước.

- Tái cấu trúc đầu tư theo hướng giảm quy mô và tăng hiệu quả đầu tư toàn XH. Để thực hiện nội dung này cần ưu tiên thực hiện một số chính sách: giảm quy mô, đồng thời tăng hiệu quả của đầu tư công; giảm quy mô, đồng thời tăng hiệu quả của khu vực doanh nghiệp nhà nước.

- Thực hiện kỷ luật tài khóa. Để thay đổi cơ cấu kinh tế, cần bắt đầu via chính sách tài khóa, thực hiện nghiêm kỷ luật tài khóa.

- Tái cấu trúc khu vực tài chính, trong đó trọng tâm là hệ thống ngân hàng.

- Thực hiện cơ chế thị trường cho các loại giá cơ bản như lãi suất, tỷ giá, giá đất, năng lượng….

- Xây dựng khu vực dân doanh thành động lực tăng trưởng của nền KT. Muốn vậy cần có cơ chế phân bổ nguồn lực bình đẳng đối via khu vực KT này.

- Đổi mới quản lý NN cho phù hợp via nền KT. Tách bạch chức năng hành pháp chính trị và hành chính công vụ, cải cách thể chế, cải cách cách làm kế hoạch….

**4. Giải pháp chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế (HỎI LẠI, KHÔNG GIỐNG TRONG SÁCH GIÁO KHOA):**

**Ổn định vững chắc kinh tế vĩ mô:**

Vấn đề ưu tiên trọng tâm của quản lý kinh tế vĩ mô là phải đảm bảo được lòng tin của thị trường và dân chúng. Ðối với chính sách tài khóa, ngoài việc huy động đầy đủ các nguồn thu theo quy định của pháp luật và thực hiện chi, quản lý chi tiêu có hiệu quả, phải thu hẹp dần bội chi ngân sách và từ năm 2015, bội chi ngân sách hàng năm không vượt quá 3% GDP. Xác định rõ mục tiêu lâu dài và cuối cùng của chính sách tiền tệ là ổn định giá trị đồng VN. Nghiên cứu, bãi quy định về trần lãi suất; từng bước chuyển điều hành chính sách tiền tệ từ điều tiết khối lượng tiền sang điều tiết lãi suất.

Kết hợp hợp lý chính sách tài khóa với chính sách tiền tệ và tỷ giá, thu hẹp dần cán cân thanh toán vãng lai và từ năm 2015 thâm hụt cán cân thanh toán vãng lai không vượt quá 5% GDP; chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ chỉ mở rộng khi có yêu cầu gia tăng tổng cầu nội địa để bù đắp thiếu hụt do giảm cầu ở thị trường khu vực và quốc tế. Thường xuyên theo dõi, phân tích kịp thời, dự báo ngắn hạn và trung hạn về diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô.

**Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trưòng**

Tiếp tục nghiên cứu và sớm thực hiện Đề án cơ cấu lại thị trường điện, tách biệt sản xuất, phân phối, chuyển tải và bán điện, thiết lập hệ thống chuyển tải điện độc lập, thiết lập cơ quan giám sát và quản lý thị trường điện độc lập và chuyên nghiệp. Tập hợp, rà soát lại và bãi bỏ các hạn chế hành chính đối với quyền tự chủ kinh doanh, quyền tự chủ định giá của DN theo cơ chế thị trường.

Ban hành cơ chế quản lý giá các sản phẩm, dịch vụ độc quyền tự nhiên, dịch vụ công ích một cách ổn định, minh bạch và dự tính được, bảo đảm các DN có liên quan tự chủ được trong lập kế hoạch đầu tư, tổ chức sản xuất và hạch toán kinh doanh một cách ổn định.

Gia hạn thực hiện Ðề án 30 về đơn giản hoá thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực quản lý nhà nước cho đến năm 2015. Nghiên cứu, thực hiện đề án chuyển các đơn vị sự nghiệp thành các tổ chức được tổ chức quản lý và hoạt động như DN theo cơ chế thị trường. Nghiên cứu và tổ chức thực hiện đề án phát triển thị trường tài chính VN. Nghiên cứu, tách biệt 3 chức năng quản lý nhà nước trong cùng một bộ, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan. Ðó là: quản lý hành chính nhà nước, điều tiết và quán lý thị trưòng và thực hiện quyền chủ sở hữu nhà nước tại các DN.

**Đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu CN và dịch vụ**

Có hai loại ngành ưu tiên phát triển. Loại thứ nhất là các ngành, sản phẩm hiện đang có lợi thế cạnh tranh; và loại thứ hai là các ngành, sản phẩm được ưu tiên phát triển để xây dựng, phát triển bổ sung lợi thế cạnh tranh của nền kinh tế trong giai đoạn 2016-2020.

Về cách thức thực hiện, vừa tuần tự tiệm tiến, vừa tăng tốc đột phá. Ðổi mới và chuyển dịch tuần tự tiệm tiến cơ cấu ngành kinh tế được thực hiện theo ba cách. Đó là: cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm trên cơ sở quy trình sản xuất hiện hành; Đổi mới quy trình sản xuất, mở rộng quy mô, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm trong ngành hiện tại và chuyển đổi lên ngành khác có trình độ công nghệ, năng suất và giá trị gia tăng lớn hơn.

Quy hoạch phát triển các KCN liên hoàn, các khu kinh tế tự do quy mô lớn thành các vùng lãnh thổ động lực tăng trưởng; kết hợp và kết nối phát triển công nghiệp với đô thị hoá, xây dựng một số khu, cảng trung chuyển hàng hoá thương mại quốc tế, để tổ chức sản xuất công nghiệp, cung ứng dịch vụ theo quy mô lớn, theo nhóm các sản phẩm có liên quan với nhau, bổ sung phụ trợ lẫn nhau.

Xây dựng và thực hiện các chương trình đồng bộ phát triển các ngành ưu tiên phát triển đặt dưới sự chỉ đạo tập trung, thống nhất từ trung ương.

**Nâng cao năng suất sản xuất nông nghiệp**

Khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp và tổ chức cuộc sống nông thôn theo hướng hiện đại. Xem xét và gia tăng hợp lý vốn đầu tư của ngân sách phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Thúc đẩy và tạo điều kiện thuận lợi tập trung và tích tụ sản xuất nông, lâm và ngư nghiệp; áp dụng phương thức sản xuất công nghiệp trong tổ chức sản xuất nông, lâm ngư nghiệp, đa dạng hóa quy mô sản xuất nông nghiệp, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng giống cây trồng, vật nuôi; đa dạng hóa và nâng cao chẩt luọng sản phẩm; phát triển một số vùng sản xuất nông nghiệp quy mô lớn. Xây dựng và phát triển cụm liên hoàn kết nối sản xuất, chế biến, phân phối và tiêu thụ một số sản phẩm nông nghiệp chủ yếu trên một địa bàn nhất định… Nghiên cứu, chuyển các làng nghề có điều kiện thành các điểm du lịch, kết nối các tuyến du lịch trong vùng và giữa các vùng lân cận. Khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do lối sản xuất thủ công truyền thống.

**Xây dựng vùng lãnh thổ động lực tăng trưởng**

Nguyên tắc phát triển vùng kinh tế là tạo điều kiện thuận lợi để tất cả các vùng trong cả nước cùng phát triên, trong đó, kinh tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đuợc tự chủ phát triển trên cơ sở lợi thế riêng có của địa phượng, nhung không được phá vỡ cơ cấu kinh tế vùng; và cơ cấu kình tế vùng phải là một bộ phận hữu cơ trong cơ cấu chung của nền KT. Hình thành các vùng lãnh thổ động lực tăng truởng của vùng và vùng động lực tăng trường của nền kinh tế, có quy mô đủ lớn, có đủ sức lan toả và lôi kéo phát triển của toàn vùng kinh tế, các vùng khác liên quan và của toàn bộ nền kinh tế.

Kết họp phát triển vùng kinh tế với ngành kinh tế; thực hiện phối hợp có hiệu quả các dự án đầu tư trong các ngành liên quan. Các vùng lãnh thổ động lực tăng trưởng phải kết hợp được công nghiệp hóa với đô thị hóa. Các ngành, sản phẩm được lựa chọn phát triển trong từng vùng động lực tăng trưởng phụ thuộc vào lợi thế, điều kiện tự nhiên – xã hội của vùng đó và quy hoạch phát triển của các ngành có liên quan, nhất là ngành được ưu tiên phát triển.

**Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước với đầu tư**

Nâng cao năng lực, hiệu lực và hiệu quả công tác giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư nhà nước bằng các giải pháp cụ thể như: Xác định cơ quan đầu mối phối hợp và chịu trách nhiệm cuối cùng trong kiếm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả kinh tế – xã hội của các dự án đầu tư nói riêng và đầu tư nhà nước nói chung. Thiết lập hệ thống thông tin thống nhất trong toàn quốc về đầu tư nhà nước. Bổ sung, sửa đổi cơ chế phân cấp quản lý đầu tư. Tăng cường hiệu lực và hiệu quả giám sát đầu tư; thực hiện giám sát đầu tư theo quy hoạch, chiến lược, kế hoạch đầu tư thống nhất đã được thông qua; giám sát việc phân bổ vốn đầu tư, tiến độ giải ngân và thực hiện dự án đầu tư theo đúng kế hoạch đã được thông qua; giám sát chất lượng dự án đầu tư. Công khai và minh bạch hoá thông tin về đầu tư nói chung và đầu tư nhà nước trên trang thông tin của UBND cấp tỉnh, các bộ, cơ quan ngang bộ… Tiếp tục hậu kiểm đối với các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Đổi mới phương thức và nội dung vận động xúc tiến đầu tư theo hướng ưu tiên vận động, lôi kéo các Cty đa quốc gia, các tập đoàn hàng đầu trên thế giới đến đầu tư tại VN.

**Từng bước hình thành hệ thống hạ tầng đồng bộ**

Tập trung tối đa có thể được vốn đầu tư nhà nước và huy động bằng các hình thức thích hợp vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác để: Tập trung vốn đầu tư và hoàn thành đồng bộ, trong thời hạn sớm nhất cơ sở hạ tầng cho các vùng lãnh thổ tăng trưởng động lực của các vùng kinh tế và của cả nước; kết hợp với tăng tốc và đột phá phát triển các ngành ưu tiên đã được chọn. Xây dựng và hoàn thành sớm nhất có thể được ba cảng nước sâu, ba cảng hàng không quốc tế tại ba vùng kinh tế trọng điểm. Phát triển các tuyến giao thông chính phù hợp kết nối giữa các vùng lãnh thổ động lực tăng trưởng, giữa vùng lãnh thổ động lực tăng trưởng với phần còn lại của vùng và với các vùng kinh tế khác. Phát triển, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng hạ tầng giao thông đô thị, đồng thời, đổi mới và nâng cao chất lượng quản lý.

**Đào tạo, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực**

Xây dựng hệ thống đổi mới công nghệ quốc gia với hệ thống trường đại học, các viện nghiên cứu, các phòng thí nghiệm đổi mới và cải tiến công nghệ, trước hết phục vụ phát triển các ngành ưu tiên đã được chọn, trong đó, đội ngũ cán bộ khoa học – công nghệ được tự do nghiên cứu, có điều kiện thuận lợi triển khai và áp dụng các kết quá nghiên cứu, thương mại hóa các kết quả nghiên cứu.

Ðổi mới chế độ tuyển dụng, sử dụng đánh giá kết quả và thành tích lao động, chế độ trả lương, thưởng, đề bạt, nâng cấp và kỷ luật, sa thải cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan nhà nước, DN nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập. Ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, nhất là cán bộ kỹ thuật, công nghệ cho các ngành ưu tiên phát triển, gồm cả việc lựa chọn các học sinh ưu tú và gửi học tại các trưòng đại học công nghệ hàng đầu thế giới.

Tiếp tục khuyến khích hơn nữa khu vực tư nhân, DN tham gia dạy nghề; chuyển các cơ sở dạy nghề công lập sang đơn vị cung ứng dịch vụ công, tự chủ, tự chịu trách nhiệm và tự trang trải. Thực hiện cơ chế các cơ sở dạy nghề đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh học nghề; tính đúng, tính đủ chi phí học nghề sát với thị trường để cơ sở dạy nghề đủ trang trải hoạt động, người học nghề có trách nhiệm. Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin thị trường lao động, cơ sở dữ liệu quốc gia về thị trường lao động, nâng cao năng lực dự báo, kế hoạch hóa nguồn nhân lực.

Ðổi mới quản lý giáo dục đại học, nâng cao hơn quyền tự chủ của các trường đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Nâng cao hiệu quả DNNN**

Xây dựng lại hoặc bổ sung, sửa đổi lại chiến lược của các tập đoàn, TCty trước năm 2012; hướng ưu tiên phát triển của các tập đoàn, TCty nhà nước là đổi mới, nâng cao năng lực và trình độ Cty để trở thành lực lượng chủ đạo dẫn dắt, hỗ trợ đổi mới và chuyển giao công nghệ đối với DN nhỏ và vừa của tư nhân trong nước. Thiết lập thể chế để thường xuyên giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của các DNNN; công khai và minh bạch hoá thông tin và kết quả đánh giá. Nghiên cúu, hình thành thể chế thực hiện có hiệu quả và hiệu lực quyền chủ sở hũu nhà nước, khắc phục tình trạng hành chính, phân tán, chia cắt và yếu trách nhiệm giải trình như hiện nay.

Bổ sung, hoàn thiện kế hoạch, pháp luật về cổ phần hoá; hoàn thành cổ phần hoá tập đoàn, tổng Cty nhà nước trước năm 2015.

**Nâng cao chất lượng các DN tư nhân**

Thành lập Tổng cục hỗ trợ phát triển DN tư nhân trong nước với sứ mạng không chỉ cung cấp hoặc hỗ trợ việc cung ứng các dịch vụ hỗ trợ phát triển DN, mà còn là cơ quan đầu mối hỗ trợ các DN giải quyết các tranh chấp, vướng mắc pháp lý với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; làm chỗ dựa “tinh thần” đáng tin cậy cho các DN tư nhân. Thành lập hệ thống quỹ bảo lănh đầu tư đối với DNNVV. Thành lập ngân hàng bảo lãnh tín dụng xuất khẩu, quỹ hỗ trợ chuyển giao và đổi mới công nghệ đối với DNNVV.

Bổ sung, sửa đổi các quy định pháp luật có liên quan, quy định rõ, đơn giản và dễ thực hiện các thủ tục về hợp nhât, sáp nhập, mua lại Cty, mua bán tài sản Cty, kể cả dự án đầu tư để tập trung, tích tụ vốn, tăng quy mô của các DN; qua đó, hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân.

Áp dụng thống nhất trình tự, thủ tục góp vốn và cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết việc mua cổ phần, góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài vào các DN VN trong các ngành, nghề lĩnh vực không hạn chế đầu tư nước ngoài như đối với DN và nhà đầu tư trong nước.

Bổ sung, sửa đổi quy định pháp luật có liên quan cho phép các nhà đầu tư, nước ngoài hình thành Cty mẹ, liên kết hợp thành nhóm Cty có vốn đầu tư nước ngoài tại VN.

**Nâng cao năng lực điều hành chính sách**

Thành lập Ủy ban cải cách và phát triển, hoặc Bộ phát triển kinh tế, có đủ thẩm quyền, năng lực và công cụ soạn thảo hoặc định hướng soạn thảo, kiểm soát nội dung và chất lượng chiến lược, chính sách phát triển kinh tế. Nâng cao năng lực phân tích, đánh giá chính sách, năng lực thực thi chính sách, pháp luật của các cơ quan quản lý nhà nước từ TƯ đến địa phương.